

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-PT
Ngày: 13/01/2025
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Kim

Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1013/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 606/2024/DSST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6623/2024/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1934. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 108 đường N, ấp Trung Viết, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ **Bị đơn:** Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 108A đường N, ấp Trung Viết, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh Tiến**, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 000359, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/01/2025 do Văn phòng Công chứng Dương Thái Hoàng, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận)

3/ **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Võ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà là mẹ của bị đơn. Vào năm 2022, bà có bán cho ông Nguyễn Văn Ch và bà Ngô Thị Tuyết M một thửa đất với giá 1.000.000.000 đồng. Do tuổi cao sức yếu nên sau khi nhận tiền từ ông Ch và bà M, bà có nhờ hai người con trai của bà là ông Võ Văn H và ông Võ Văn D đứng tên giữ tiền trên sổ tiết kiệm tại Ngân hàng, mỗi người đứng tên một sổ tiết kiệm với số tiền là 500.000.000 đồng.

Giữa năm 2023, do cần tiền để giải quyết công việc nên bà đã yêu cầu ông H và ông D rút tiền về để giao lại cho bà nhưng chỉ có ông D thực hiện, còn ông H cố tình né tránh không thực hiện. Hiện bà đang giữ bản chính Sổ tiết kiệm số AD 00020348378 ngày 26/12/2022 lập tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Võ Văn H.

Hiện nay, bà đã lớn tuổi, sức khỏe giảm sút, không có thu nhập và không thể chăm lo cho bản thân nên hoàn cảnh rất khó khăn. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông H làm thủ tục rút và giao lại tiền cho bà nhưng ông H không thực hiện. Nhận thấy hành vi trên của ông H đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H trả lại cho bà số tiền 500.000.000 đồng theo Sổ tiết kiệm số AD 00020348378 ngày 26/12/2022 lập tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Võ Văn H, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn H trình bày: Ông là con của nguyên đơn. Cách đây vài năm, ông không nhớ rõ năm nào, mẹ ông có bán đất cho ông với số tiền 500.000.000 đồng và nhờ ông đứng tên gửi tiết kiệm số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 22/01/2023, ông đã rút số tiền 1.000.000.000 đồng trả lại cho mẹ ông. Riêng số tiền 500.000.000 mẹ ông cho, ông có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C và đã đưa sổ tiết kiệm này cho mẹ ông giữ. Khi ông bị bệnh, ông có nói bà X đưa sổ tiết kiệm để ông rút tiền nhưng bà X không đưa nên ông đã đến Ngân hàng báo mất sổ tiết kiệm và rút số tiền 500.000.000 đồng về sử dụng hết. Do đó, ông không đồng ý trả lại số tiền này cho bà X.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 606/2024/DSST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X: Buộc ông Võ Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả cho bà X số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/9/2024, bị đơn ông Võ Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Võ Văn H do ông Nguyễn Mạnh Tiến là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà X cho rằng bà nhờ ông H đứng tên giữ sổ tiết kiệm với số tiền 500.000.000 đồng là không đúng vì số tiền này bà X đã cho ông dưới sự chứng kiến của các anh chị em ruột trong gia đình. Quá trình giải quyết, ông đã cung cấp giấy xác nhận có chữ ký của các anh chị em nhưng Tòa cấp sơ thẩm không mời những người này lên Tòa để lấy lời khai là bỏ sót người làm chứng trong vụ án. Do đó, ông kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Số tiền 500.000.000 đồng là bà nhờ ông H gửi tiết kiệm và đứng tên giữ trên Sổ tiết kiệm số AD 00020348378 ngày 26/12/2022 lập tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C nên hiện nay bà là người giữ bản chính sổ tiết kiệm. Bà khẳng định bà không cho ông H số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Nương và bà Võ Thị Sáu là con ruột bà Nguyễn Thị X và là chị em ruột của ông Võ Văn H xin được trình bày ý kiến: Hai bà là con ruột của bà X. Hai bà xác định hai bà không chứng kiến việc bà X cho ông H số tiền 500.000.000 đồng mà chỉ nghe ông H nói lại và nhờ ký vào giấy xác nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Nương và bà Võ Thị Sáu cùng xác định không chứng kiến việc bà X cho ông H số tiền 500.000.000 đồng mà chỉ nghe ông H kể lại. Do đó lời trình bày của ông H về việc đã được bà X cho số tiền nêu trên là không có cơ sở. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/8/2024, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên Bản án số 606/2024/DS-ST. Bị đơn ông Võ Văn H vắng mặt tại phiên tòa và nhận được bản án sơ thẩm vào ngày 04/9/2024. Ngày 17/9/2024, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của đương sự trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1] Xét số tiền 500.000.000 đồng trong Sổ tiết kiệm số AD 00020348378 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X là mẹ ruột của bị đơn ông Võ Văn H. Nguyên đơn trình bày vào năm 2022, bà bán đất được số tiền là 1.000.000.000 đồng. Sau đó bà đưa cho hai người con trai là ông Võ Văn D và ông Võ Văn H mỗi người 500.000.000 đồng nhờ gửi tiết kiệm tại Ngân hàng để sau này bà lấy tiền lãi dưỡng già. Tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2024 lập tại Ủy ban nhân dân xã P, ông Võ Văn D xác nhận bà Nguyễn Thị X có nhờ ông và ông Võ Văn H mỗi người gửi 500.000.000 đồng tại Ngân hàng. Ông D đã hoàn trả cho bà X số tiền 500.000.000 đồng, còn ông H chưa thực hiện việc này.

Bị đơn không thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình giải quyết, bị đơn có cung cấp một tờ giấy đề ngày 22/01/2024 với nội dung bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng, nguyên đơn có điểm chỉ xác nhận. Bị đơn cho rằng đây là tiền bán đất mà nguyên đơn nhờ bị đơn giữ giúp và bị đơn đã trả lại đủ, còn số tiền 500.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm là tiền nguyên đơn cho bị đơn.

Theo Công văn số 1029/CV-NHNo.CC-TH ngày 12/8/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C thể hiện: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00020348378 lập tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C ghi nhận ngày 26/12/2022 bị đơn ông Võ Văn H có gửi tiết kiệm đối với số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 26/3/2024, ông H đã tắt toán sổ tiết kiệm trên.

Xét, bị đơn cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền bán đất là 1.000.000.000 đồng nhưng theo lời khai của ông D và nguyên đơn thì tiền bán đất 1.000.000.000 đồng được nguyên đơn chia ra và nhờ ông D, ông H mỗi người giữ giùm 500.000.000 đồng. Nội dung tờ giấy đề ngày 22/01/2024 cũng không thể hiện số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền bán đất mà chỉ thể hiện đây là tiền bị đơn trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, không có cơ sở xác định số tiền 1.000.000.000 đồng theo tờ giấy đề ngày 22/01/2024 là tiền bán đất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn xác nhận sau khi gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, bị đơn đã đưa sổ tiết kiệm cho nguyên đơn giữ. Bị đơn khai số tiền trên được nguyên đơn cho nhưng lời khai này không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được bất kì tài liệu, chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn đã cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng. Mặt khác, nếu nguyên đơn cho bị đơn số tiền trên thì bị đơn phải là người giữ bản chính sổ tiết kiệm chứ không phải nguyên đơn.

Căn cứ vào thông tin trên sổ tiết kiệm và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định số tiền 500.000.000 đồng là một phần tiền nguyên đơn có được từ việc bán đất vào năm 2022, sau đó nguyên đơn nhờ bị đơn gửi Ngân hàng và đứng tên giùm trên sổ tiết kiệm. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải hoàn trả lại 500.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng:

Giấy xác nhận bị đơn cung cấp cho Tòa án có nội dung: Anh em trong gia đình xác nhận bà X bán đất và chia cho ông H, ông D mỗi người 500.000.000 đồng. Giấy xác nhận có chữ ký của các anh chị em gồm: Võ Văn Thương, Võ Thị Sáu, Võ Thị Nương, Võ Văn Cùng, Võ Kim Vui.

Như đã phân tích, các bên đương sự đều xác nhận số tiền nguyên đơn bán đất là 1.000.000.000 đồng, sau đó đưa cho hai người con là ông Võ Văn D và ông Võ Văn H. Nội dung giấy xác nhận mà bị đơn cung cấp cũng thể hiện điều này. Tuy nhiên số tiền bán đất trên là tài sản của nguyên đơn và nguyên đơn chỉ đưa cho hai người con là ông D và ông H nên nếu xác nhận đây là tiền nguyên đơn cho hai người con thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ xác nhận của nguyên đơn và ông Võ Văn D. Mặt khác tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bà Võ Thị Nương và bà Võ Thị Sáu cùng xác nhận hai bà không chứng kiến việc nguyên đơn cho bị đơn số tiền nêu trên mà chỉ nghe bị đơn kê lại và nhờ ký tên trên giấy xác nhận. Xét thấy, những người ký xác nhận nêu

trên không liên quan đến số tiền mà các bên đang tranh chấp nên Tòa cấp sơ thẩm không triệu tập làm người làm chứng là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H.

Tuyên xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 606/2024/DSST ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X: Buộc ông Võ Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả cho bà X số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0015971 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS H. C;
- TAND H. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

